TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/DS-ST.
Ngày: 03-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản – mua lúa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Thỏ

Bà Lê Thị Thúy Kiều

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Thạch Thị Diễm Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 230/2024/TLST–DS ngày 11 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản – mua lúa. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST – DS ngày 24 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê H, sinh năm 1973 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần L, sinh năm 1992 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Nguyễn M, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/11/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê H trình bày:

Vào ngày 31/8/2024 dương lịch ông có bán lúa tươi giống Đài thơm 8 cho ông Trần L với tổng số ký lúa là 2.969 ký, một ký giá 7.800 đồng, thành tiền là

23.158.200 đồng (làm tròn là 23.150.000đ). Ông L có máy gặt đập liên hợp, ông L xuống địa phương của ông cắt lúa khoảng 10 năm nay nên quen biết nhau, ông cũng đã mua lúa tại địa phương khoảng ba bốn năm nay, ông cũng đã nhiều lần bán lúa cho ông L, những lần trước mua lúa trả tiền liền, nếu thiếu cũng chiều lại trả tiền chứ không có thiếu lâu nên ông tin tưởng. Lần bán lúa này cho ông L là ngay lễ 02-9, ông L nói mua lúa qua lễ hai ba ngày thì trả, sau đó hứa hẹn hoài không trả. Ông điện thoại đòi ông L tiền lúa nhiều lần nhưng ông L cứ hứa hẹn hoài, ông cũng đã ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa ông và ông L, ông cũng đã cung cấp cho Tòa án. Sau nhiều lần điện thoại đòi tiền thì ngày 23/9/2024 ông L có chuyển khoản vào số tài khoản của tôi để trả số tiền mua lúa là 10.000.000 đồng, nội dung chuyển khoản "TRANVANLUANtratienluachuhung", số tiền lúa còn lại thì ông L cứ hứa hẹn hoài không trả.

Nay ông yêu cầu ông Trần L cùng vợ bà Nguyễn M cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua lúa còn nợ là 13.150.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

2/ Quá trình tố tụng bị đơn ông Trần L và bà Nguyễn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến, cũng không đến Tòa án để tham gia tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê H.

3/ Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Nguyên đơn có mặt đã chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn vắng mặt là chưa chấp hành đúng quy định triệu tập của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Kiểm sát viên phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, buộc ông L và bà M cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông H số tiền mua lúa còn thiếu là 13.150.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các bị đơn ông Trần L và bà Nguyễn M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn ông H khởi kiện vợ chồng ông L, bà M yêu cầu trả số tiền mua lúa còn thiếu là 13.150.000 đồng. Ông L không có ý kiến

đối với yêu cầu khởi kiện của ông H; bà M thì cho rằng không có liên quan gì đến bà nên bà không nhận các văn bản tố tụng. Nhận thấy.

[2.1] Nguyên đơn ông H có cung cấp cho Tòa án tờ giấy tập học sinh thể hiện hai mặt giấy là ghi số mã cân lúa mà người nông dân khi bán lúa đều ghi số ký lúa mỗi bao lúa và ghi một mã cân là 05 bao lúa, rồi tổng kết lại từng mã cân, sau đó cộng tất cả các mã cân lại thành tổng số ký lúa đã bán. Tổng số ký lúa được tổng cộng lại của các mã cân trên tờ giấy ông H cung cấp là 2975 – 6 = 2969 kg, 2969 x 78 = 23.158.200. Phù hợp với số ký lúa, số tiền mỗi ký lúa và số tiền bán lúa mà ông H đã trình bày.

[2.2] Ông H còn cung cấp cho Tòa án bốn đoạn ghi âm cuộc hội thoại nói chuyện giữa ông H và ông Trần L qua điện thoại, nội dung các cuộc hội thoại chủ yếu nói về việc ông H yêu cầu ông L trả số tiền mua lúa còn thiếu, đặc biệt có một đoạn hội thoại nói chuyện điện thoại giữa ông H và ông L hỏi số tiền thiếu, số ký lúa, số tiền mỗi ký lúa, số tiền tổng cộng mà ông L đã mua lúa của ông Hùng, và ông L còn xin số tài khoản của ông H để chuyển khoản trả tiền mua lúa cho ông H.

[2.3] Sau khi mua lúa, cũng như sau khi xin số tài khoản thì ông H đã được ông Trần L chuyển khoản qua số tài khoản của ông H số tiền 10.000.000 đồng để trả tiền lúa cho ông H thể hiện qua nội dung chuyển khoản "TRANVANLUANtratienluachuhung", nội dung này được thể hiện trong chứng từ giao dịch ngày 23/9/2024 của ngân hàng N chi nhánh huyện V, B xác nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy ông L không có ý kiến phản đối gì với yêu cầu khởi kiện của ông H yêu cầu trả số tiền mua lúa còn nợ 13.150.000 đồng và các tài liệu chứng cứ ông Hùng cung cấp cũng thể hiện giữa ông H và ông Trần L có giao dịch mua bán lúa với nhau, ông L chỉ mới trả cho ông H được số tiền mua lúa 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 13.150.000 đồng đến nay chưa trả nên ông H khởi kiện ông L, bà M yêu cầu trả số tiền mua lúa còn thiếu là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 430, khoản 1 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Xét trách nhiệm liên đới giữa ông L và bà M: Theo chứng cứ Tòa án thu thập thì ông Trần L và bà Nguyễn M đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N vào ngày 16/4/2013, đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn. Ông L mua lúa, bán lúa cũng nhằm mục đích kiếm lợi nhuận để phục vụ chi phí sinh hoạt cho gia đình. Căn cứ vào Điều 27, 30, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc bà Nguyễn M cùng có trách nhiệm liên đới với ông Trần L trả tiền mua lúa còn nợ cho ông Lê H số tiền 13.150.000 đồng.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 329.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009460 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ông L và bà M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, số tiền án phí ông L và bà M phải chịu là 13.150.000đ x 5% = 657.500 đồng.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm tại phiên tòa hoàn toàn có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H về việc yêu cầu ông Trần L và bà Nguyễn M trả số tiền mua lúa còn nợ.

1.1/ Buộc ông Trần L và bà Nguyễn M cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Lê H số tiền là 13.150.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

1.2/ Về lãi chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê H không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 329.000 đồng (Ba trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009460 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trần L và bà Nguyễn M cùng có trách nhiệm liên đới chịu án phí số tiền 657.500 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND thị xã Ngã Năm (1);
- Chi cục THADS thị xã N (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng